

Bản án số: 359/2018/DS-PT
Ngày 26 - 11 - 2018
“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS- ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1394/2018/QĐPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 1979, (Có mặt)
Địa chỉ: Số 73 đường L, khu phố 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Thanh L**, sinh năm 1958, (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 16 đường K, khu phố 5, phường T, thị xã G, tỉnh Bình Thuận

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Vũ Y**, sinh năm 1949, (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 5, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Y: Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1958, Địa chỉ: Số 16 đường K, khu phố 5, phường T, thị xã G, tỉnh Bình

Thuận. Giấy ủy quyền ngày 17/6/2016, (Vắng mặt).

2. Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1937

Địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thị xã G, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1958, Địa chỉ: Số 16 đường K, khu phố 5, phường T, thị xã G, tỉnh Bình Thuận. Giấy ủy quyền ngày 13/9/2017, (Vắng mặt).

3. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1928, (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 8, phường H, thị xã G, tỉnh Bình Thuận.

4. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1925, (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bình Thuận

5. Bà **Phạm Thị Xuân**, sinh năm 1955, (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 73 đường L, khu phố 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bình Thuận.

6. Ông **Nguyễn Ngọc Hoàng**, sinh năm 1976, (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà Xuân, ông Hoàng và ông N: Bà **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 1979, Địa chỉ: Số 73 đường L, khu phố 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bình Thuận. Giấy ủy quyền ngày 21/10/2014.

7. Bà **Nguyễn Thị Xuân Hoa**, sinh năm 1989, (vắng mặt)

Địa chỉ: 13706 Lothian Dr Pflugerville, Texas 78660, USA

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoa: Bà **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 1979, Địa chỉ: Số 73 đường L, khu phố 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bình Thuận. Giấy ủy quyền ngày 06/9/2016.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Nguyễn Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ và trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Vào khoảng đầu năm 1996, cha bà H là Nguyễn Văn L có nhận sang nhượng lại 01 thửa đất với diện tích 747m² thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị T và đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ), tỉnh Bình Thuận công nhận tại Quyết định chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất số 368/QĐ-UBHT ngày 11/6/1996. Sau khi sang nhượng, gia đình ông L có xây tường rào trên ranh giới đất. Khi xây tường rào, ông Nguyễn Ngọc H (là anh trai bà H) được bà L yêu cầu dời cột mốc về phía đất gia đình bà H 0,3m, tức là vị trí tường rào hiện nay, (BL: 30).

Vào khoảng đầu tháng 6/2013, cha bà H tiến hành lập thủ tục đăng ký xin

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết một phần diện tích đất của mình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Thanh L. Theo công văn trả lời số 1599/UBND-TNMT ngày 14/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã La Gi về việc thẩm tra cấp giấy chứng nhận cho bà Trần Thị Thanh L và ông Vũ Y là không đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Ngày 30/6/2014, Ủy ban nhân dân thị xã La Gi đã ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Vũ Y và bà Trần Thị Thanh L tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 062843 do Ủy ban nhân dân thị xã La Gi cấp ngày 05/9/2006. Đề nghị ông Nguyễn Văn L liên hệ Ủy ban nhân dân phường Bình Tân để được hướng dẫn lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngày 01/10/2014, tại phường T thị xã G, tỉnh Bình Thuận tổ chức buổi hòa giải cho các bên tranh chấp nhưng không thành. Cho đến nay, bà L và ông Y vẫn chưa trả lại phần diện tích đất đã được cấp lần qua phần diện tích của gia đình bà H. Diện tích đất tranh chấp là 23,4m² có giá trị 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu bà L trả 25,8m² đất và trả đúng vị trí đất như địa chính phường Bình Tân đã đo vẽ; cụ thể gia đình bà có diện tích đất là 747m² nhưng bị bà L lấn chiếm 25,8m², yêu cầu bà L phải trả lại cho gia đình bà diện tích 25,8m² được thể hiện tại cạnh DE (tiếp giáp đất và nhà bà L) là 12 m và kéo thẳng ra mặt đường K là cạnh AF là 4 m nhưng qua các lần đo đạc thực tế thì cạnh DE là 12,3m, cạnh AF là 4 m.

** Bị đơn bà Trần Thị Thanh L trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và văn bản phản đối thể hiện:*

Năm 1980, vợ chồng bà L ra ở riêng, bà Trần Thị T (mẹ bà L) có cho bà L một mảnh đất để làm nhà ở; vị trí đất nằm phía sau nhà ông Nguyễn V; chiều dài 45m và bề ngang là 20m nhưng vì vị trí đất nằm trong sâu, đường đi vào rất nhỏ 0,5m chỉ dành riêng cho người đi bộ, nên tôi không sử dụng. Năm 1993, bà T mua thêm của ông Hồ M mảnh đất mà trước đó ông Hồ M đã mua của ông Nguyễn V ở phía trước giáp đường. Năm 1995, bà T đứng tên làm đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất luôn phần đất đã cho bà L.

Năm 1996, khi ông Nguyễn Văn L hỏi mua đất của bà T để làm chỗ đánh dây, thực tế ông L chỉ mua chiều ngang 4m. Mẹ con bà L hoán đổi đất, để bà L làm được nhà ở phía trước. Ông L mua thêm phần đất phía sau từ dưới ruộng nước ngược lên là 12m. Khi các bên đã thống nhất vị trí thì cùng cắm mốc và có nhân chứng chứng kiến. Phần vị trí đất còn lại bà T giao cho bà L quản lý sử dụng và làm nhà ở: phía trước giáp mặt đường K có chiều ngang là 6,10m; bề ngang phía dưới đo từ cạnh giáp đất bà Nguyễn Thị T chạm đến góc (L) của bà

L là 16m, chiều dài từ ruộng nước trở lên trừ 12m đã cắm cột mốc cho ông L; phần còn lại là của bà L. Sau đó, ông L tiến hành lấp ao rau muống; gia đình bà L làm nhà ở. Khi làm nhà bà L có chừa ra 0,5m để mở cửa sổ cho thoáng, không ảnh hưởng và xâm phạm qua đất của gia đình ông L.

Đến năm 2005, Ủy ban nhân dân phường Bình Tân thông báo rộng rãi cho nhân dân đăng ký làm chủ quyền đất. Trong thời gian này, ông L đặt bờ ranh giới bằng đá chẻ giữa hai nhà, lý do là để ông đổ đất khỏi lấn sang phần đất nhà bà L. Qua năm 2006, bà L nộp đơn xin đo đạc đất. Khi đo đất ông L là người chỉ mốc giới. Đến cuối năm 2006 ông L tháo dỡ hàng rào đá chẻ và xây dựng bức tường kiên cố. Qua năm 2007 bà L nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy con số 12,7m ở phía đuôi L đưa qua cho mẹ tôi xem thì mới biết gia đình mình bị mất đất; vì hạnh phúc của con gái đang làm dâu nhà ông L nên bà L và bà T không khiếu nại.

Nay bà L xác định nguồn gốc đất mà hiện bà đang sử dụng là do bà Trần Thị T (mẹ bà L) mua từ năm 1997. Ông L là người được mẹ tôi sang nhượng lại với diện tích là 670m². Cụ thể số đo các cạnh là: AB= 90,5m; BC =22,5m; CD =12m; DE=16,8m; EF= 79,1m; FA=4m (có sơ đồ đính kèm). Khi mua bán các bên đã thỏa thuận với nhau theo bản vẽ vị trí cạnh CD mà ông L mua chỉ có 12 m; 4m từ ngoài đường chạy dọc cạnh đất ông Hồ M xuống giáp cạnh mép ruộng. Gia đình bà L không lấn chiếm đất, sử dụng ổn định từ năm 1977 cho đến nay.

Theo Quyết định số 368 ngày 11/6/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân và xác nhận của Phòng địa chính huyện Hàm Tân ngày 08/7/1996 thì đất của gia đình bà L còn lại là 1.490m² nhưng qua kết quả đo đạc hiện trạng thì diện tích đất gia đình bà L chỉ còn là 578,2m². Do vậy bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Y trình bày:*

Ông Vũ Y (là chồng của bà Trần Thị Thanh L) nhất trí với ý kiến trình bày của bà L và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:*

Năm 1977, bà T có mua của ông Nguyễn V có chiều dài 45m, nằm ở phía sau nhà ông V. Tứ cận: Hướng Đông giáp ruộng đo được 23 m; Hướng Tây giáp nhà ông V đo được 20,5m; Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị T có bờ ranh; Hướng Bắc giáp đất ông Hồ M có bờ ranh. Ông V có để đường đi cho bà là 0,5m từ ngoài đường xóm giáp đất ông Hồ M. Năm 1980, con gái bà T là bà L có chồng vì muốn làm nhà ở nhưng vì đường đi quá nhỏ nên bà T vẫn canh tác

rau.

Đến năm 1993, bà T mua lại của ông Hồ M một nửa diện tích đất ông V đang ở. Khi bán, ông V căn cứ ranh giới trên mặt đất để chia làm hai phần, chiều dài từ ngoài mặt đường giáp đến đất của bà đang có đo được 45,5m. Mặt hướng Tây đo được 20,20m, lúc này bà có 10,10m; Hướng Đông giáp đất bà vì ao nước nằm giữa ba nhà, do lâu ngày sạt lở ông V đo được 17,5m chia hai mỗi bên chiều rộng là 8,75m, ông M giao lại nguyên mảnh đất đó cho bà.

Năm 1995, bà T làm đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất. Năm 1996, ông Nguyễn Văn L có hỏi bà mua đất để làm chỗ đánh dây. Ông L mua của tôi bề ngang 4m chiều dài chạy đến mép bờ mương nước. Do tin tưởng nên ông L đi làm thủ tục, khi ông L san lấp ao xong thì bà L bắt đầu làm nhà. Khi làm nhà, bà L có để chừa đất để mở cửa sổ bên hông. Năm 2006, bà L xin đo đất ông L đã ký giáp ranh để chính quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Bờ tường ông L tự xây dựng sau khi bà L đã được đo và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2007 bà L được Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1996 bà bán cho ông L diện tích chỉ là 670m² mà thôi nhưng do lúc bấy giờ đo đạc không chính xác nên diện tích mà ông L được Ủy ban ký quyết định là 747m² là đã có phần lấn chiếm sang diện tích đất của gia đình bà T. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T không đồng ý.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H, bà Xuân, ông H, bà Hoa và ông N có bản tự khai lời trình bày:*

Nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H và không có ý kiến gì bổ sung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS- ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 163, Điều 159, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”;

Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H về việc yêu cầu bà Trần Thị Thanh L trả lại diện tích 25,8 m² đất (có bản đồ kèm theo).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/5/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng: Bên bà T (mẹ bà L) lấn chiếm đất của gia đình bà H. Đề nghị tòa cấp phúc thẩm xét xử lại, yêu cầu bà L trả lại cho gia đình bà H 25,8m² đất.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Ông L mua của bà T 747m² đất, mua thêm của ông Hồ M 189,3m², ngoài ra là đường mương nước, đường đi. Việc đo vẽ không chính xác vì không theo mốc cũ. Khi ông L xây tường rào đã xây lùi vào 0,3m so với mốc cũ. Yêu cầu buộc bà L trả lại đất.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- *Về tố tụng:* Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục, đây là phiên tòa lần hai, các đương sự được tổng đạt hợp lệ.

- *Về nội dung kháng cáo:* Diện tích đất bên ông L hiện tại đo đạc là 1.013,7m² là dư so với diện tích mua của bà T. Ranh giới đất giữa hai bên có tường rào do ông L xây không thay đổi, quá trình sử dụng đất ổn định, không có việc bên bà L lấn đất, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn L nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị T (mẹ của bà Trần Thị Thanh L) vào năm 1996 với diện tích là 747m². Ngày 11/6/1996 ông L được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) cấp Quyết định số 368/QĐ-UBHT về việc Quyết định chuyển quyền, mục đích sử dụng đất (có kèm theo Bản đồ vị trí thửa đất lập ngày 1/6/1996 do Phòng địa chính Hàm Tân lập). Quá trình sử dụng đất đến tháng 6 năm 2013 ông L làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, lúc này ông L cho rằng diện tích đất của gia đình ông bị bà L lấn chiếm và Ủy ban nhân dân đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất lấn chiếm cho gia đình bà L nên ông L có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị xã La Gi. Ngày 14/7/2014, Ủy ban nhân dân thị xã La Gi có Văn bản số 1599/UBND-TNMT về việc thẩm tra cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Thanh L và ông Vũ Y là không đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật, cụ thể là việc thẩm tra, đo đạc, ký giáp ranh, công bố công khai hồ sơ không đúng theo trình tự quy định. Ngày 30/6/2014, Ủy ban nhân dân thị xã La Gi có Quyết định số 281/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 062843 ngày 05/9/2006 đã cấp cho ông

Vũ Y và bà Trần Thị Thanh L. Ông L có đơn khiếu nại về việc yêu cầu bà L trả lại diện tích đất đã bị lấn chiếm và được Ủy ban nhân dân hòa giải nhưng không thành, do đó gia đình ông Nguyễn Văn L cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Bà H khởi kiện ban đầu yêu cầu bà L trả lại diện tích đất tranh chấp là 23,4 m² có giá trị 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu bà L trả 25,8 m² đất và trả đúng vị trí đất như địa chính phường Bình Tân đã đo vẽ (BL: 152).

[3] Xét thấy: Diện tích đất ông L chuyển nhượng từ bà T là 747m². Quá trình tổ tụng tại cấp sơ thẩm các bên thừa nhận khi chuyển nhượng đất đã chỉ ranh, cắm mốc đất. Sau khi nhận đất, phía ông L xây móng bằng đá chẻ rào theo ranh đất vào năm 2005. Năm 2006, ông L tháo dỡ móng hàng rào đá chẻ và xây thành hàng rào kiên cố. Quá trình xây hàng rào cũng như sau này không ai tranh chấp nên hàng rào do bên ông L xây là ranh giới đất giữa các bên. Hiện tại phần đất tranh chấp đã có tường rào do bên ông L xây năm 2006.

Căn cứ sơ đồ vị trí đo vẽ khi tòa án giải quyết tranh chấp đất, phần đất tranh chấp nằm trên phía đất bà L. Kể từ khi có hàng rào thì bên ông L không có ý kiến gì, cũng không sử dụng phần đất này. Mặt khác, bên bà L là người quản lý và sử dụng đất từ trước đến nay. Như vậy, có căn cứ kết luận tường rào bên ông L xây là ranh đất giữa các bên và phần đất đang tranh chấp là do bên bà L sử dụng từ trước đến nay và thuộc quyền sử dụng của bà L.

[4] Hơn nữa, ông L chỉ nhận chuyển nhượng 747m² nhưng thực tế hiện tại diện tích đất bà H (con ông L) đang sử dụng 1013,7 m² (theo kết quả đo đạc ngày 23/5/2017), như vậy, bên bà H không thiếu đất, tính cả diện tích 189,3m² mua của ông Hồ M.

[5] Từ các chứng cứ và nhận định trên có đủ căn cứ kết luận phần đất 25,8 m² thuộc thửa số 30 (thửa mới là số 16), tờ bản đồ số 05, phường Bình Tân, thị xã La Gi thuộc quyền sử dụng của bên bà L, không nằm trong diện tích bà T chuyển nhượng cho ông L.

[6] Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ, tình tiết gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà H. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H, ông H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Nguyễn Ngọc H; Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận như sau:

1- Căn cứ khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” đối với bà Trần Thị Thanh L đối với diện tích đất tranh chấp là 25,8 m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Vị trí, kích thước, diện tích đất được xác định theo sơ đồ vị trí do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận lập ngày 07/8/2017 (*kèm theo bản án*).

2- *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu 250.000 (hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí phúc thẩm. Bà H đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền số 0003775 ngày 04/11/2014 và 0022817 ngày 17/5/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 26/11/2018.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP; hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng